TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2024
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân;

2. Ông Huỳnh Văn Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 290/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: Ấp Vĩnh Thuận , xã Vĩnh Nhuận , huyện Châu Thành, An Giang.

ĐCLL: Số 136, ấp Vĩnh Bình B, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp V , xã V , huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị* Huỳnh Thị Bích T *trình bày*:

Chị và anh Nguyễn Văn H tự tìm hiểu rồi quen biết nhau và tự nguyện sống chung như vợ chồng, không tổ chức đám cưới, nhưng có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, An Giang. Sau khi kết hôn, chị về

chung sống với gia đình cha mẹ chồng được vài tháng, chị về nhà mẹ ruột sống. Đến năm 2012, vợ chồng chị lên Bình Dương làm công nhân. Vợ chồng sống êm ấm đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tiền bạc, anh H hay ghen tuông, ít quan tâm đến gia đình và vợ con. Từ đó dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng và không tin tưởng nhau nữa, vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm.

Từ tháng 3/2022, anh chị không còn chung sống với nhau nữa nên đã ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích V, sinh ngày 03/7/2019 và cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 06/5/2010. Hiện con chung đang sống với cha. Sau ly hôn, chị đồng ý để con chung cho ông Nguyễn Văn H nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh* Nguyễn Văn H*:* Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh H đều vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh H: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H; về con chung: giao cháu Minh T1 và Bích V cho anh H nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định***:**

[1] Về tố tụng:

Chị Huỳnh Thị Bích T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 10 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và

Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H. Anh H có hộ khẩu thường trú ở ấp V , xã V , huyện C, An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt. Việc vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị Bích T xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi cưới, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh H theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh H vắng mặt tại nhà. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh H đều vắng mặt, đồng thời không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía nguyên đơn chị T đã trình bày. Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh H vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bích T là được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị Huỳnh Thị Bích T thừa nhận giữa chị và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích V, sinh ngày 03/7/2019 và cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 06/5/2010. Mặt khác, giấy khai sinh của cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận cháu Bích V và Minh T1 là con chung của chị T và anh H. Hiện con đang sống với cha. Sau khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu Bích V và Minh T1 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng nhận thấy, từ khi chị T và anh H ly thân, các cháu đã sống với ba, do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bích T là giao cháu Bích V và Minh T1 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Chị Huỳnh Thị Bích T có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Huỳnh Thị Bích T có yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Huỳnh Thị Bích T. Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Bích T đối với anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận cháu Nguyễn Thị Bích V, sinh ngày 03/7/2019 và cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 06/5/2010 là con chung của chị Huỳnh Thị Bích T và anh Nguyễn Văn H;

+ Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Bích V, sinh ngày 03/7/2019 và cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 06/5/2010 cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện các cháu đang sống chung với anh H); Chị Huỳnh Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu;

+ Anh Nguyễn Văn H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Bích T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0004511 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên chị T đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Bích T và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh